

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản
của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với các khoản nợ xấu
được mua bằng trái phiếu đặc biệt**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1760/TTg-KTTH ngày 31 tháng 10 năm 2013 và Công văn số 3831/VPCP-KTTH ngày 27 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản) đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, bao gồm:

a) Khoản thu bằng tiền tương ứng với một tỷ lệ trên số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là khoản thu trên số tiền thu hồi nợ);

b) Khoản tạm ứng hàng năm bằng tiền tương ứng với một tỷ lệ trên số dư nợ gốc thực tế bình quân năm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc).

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

- a) Công ty Quản lý tài sản;
- b) Tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản và nhận trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bán nợ);
- c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc xác định, hoàn trả khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc

1. Số dư nợ gốc thực tế bình quân năm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư này được xác định bằng phương pháp tích số của số dư nợ gốc đang được hạch toán nội bảng cân đối tài khoản kế toán của Công ty Quản lý tài sản.

2. Khoản tạm ứng trên số dư nợ gốc là khoản tạm ứng của tổ chức tín dụng bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản để Công ty Quản lý tài sản có nguồn trang trải các chi phí liên quan đến xử lý nợ xấu.

3. Công ty Quản lý tài sản hoàn trả các khoản tạm ứng đã nhận từ các tổ chức tín dụng bán nợ bằng các khoản thu trên số tiền thu hồi nợ và các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 3. Số tiền thu hồi nợ

1. Công ty Quản lý tài sản thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt bằng các khoản tiền và tài sản sau đây:

- a) Số tiền thu được từ việc bán nợ, bao gồm cả trường hợp bán lại nợ cho chính tổ chức tín dụng bán nợ trước thời điểm trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán;
- b) Số tiền thu từ các hoạt động khai thác, cho thuê, bán tài sản bảo đảm;
- c) Số tiền khách hàng vay trả nợ (bao gồm cả gốc, lãi);
- d) Số tiền do bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ thanh toán hoặc do bên thứ ba khác trả nợ thay cho khách hàng vay;
- đ) Giá trị tài sản bảo đảm mà Công ty Quản lý tài sản tiếp nhận làm tài sản của Công ty Quản lý tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận và đánh giá lại theo quy định của pháp luật;
- e) Giá trị khoản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần tại khách hàng vay do chuyển nợ thành vốn điều lệ, vốn cổ phần.

2. Số tiền thu hồi nợ làm cơ sở tính toán khoản thu trên số tiền thu hồi nợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư này được xác định bằng các khoản tiền và tài sản quy định tại khoản 1 Điều này trừ (-) đi chi phí liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm, các chi phí khác thuộc nghĩa vụ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, quy định của pháp luật và số tiền thừa trả lại khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ (nếu có).